

**TAND HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/ HS-ST

Ngày: 18/11/2021

**` NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Bầy

Bà Vũ Thị Mai

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Vũ Hữu Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảo – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 89/2021/ HSST ngày 02/11/2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lục Văn T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1990; Sinh, trú quán: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 06/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Lục Văn B1 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1947; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 1994; Sinh, trú quán: Thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 07/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1963; Con bà: Nguyễn Thị Ph1, sinh năm 1967;

Vợ: Nguyễn Thị Ng1, sinh năm 1995, đều làm ruộng tại thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Con: Có 01 con, sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

- Người bào chữa cho bị cáo Lục Văn T: Ông Thân Văn L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L: Bà Nguyễn Hải L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị Ng1, sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Anh Chu Văn Tr, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người chứng kiến:**

- Anh Hứa Văn Th, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 11 giờ 15 phút ngày 08/6/2021, trong khi làm nhiệm vụ tại chốt phòng chống dịch Covid 19 số 04 thuộc địa phận thôn Thác Lười, xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn. Tổ công tác của Công an xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn, phát hiện và lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang đối với Lục Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Văn L, sinh năm 1994, trú tại thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có dấu hiệu tàng trữ trái phép chất ma túy. Kiểm tra phát hiện Lục Văn T, Nguyễn Văn L đang tàng trữ trái phép trong chiếc giày bên chân phải đang đi 01 (một) gói ni lông

màu trắng (loại túi đựng xi lanh) bên trong chứa 02 (hai) gói giấy bạc có hai mặt màu trắng bạc, trong mỗi gói đều chứa cục chất bột màu trắng, nghi là ma túy. Tổ công tác tiến hành niêm phong tang vật vào trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT”. Ngoài ra, Tổ công tác còn thu giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Taurus, Biển kiểm soát 98Y2-1852, cùng 01 (một) giấy đăng ký của chiếc xe mô tô; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen có số IMEI: 35353506590781; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VSMART màu đen có số IMEI: 352705111609069; 01 (một) chiếc ví da màu đen, trong ví có 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 do Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp mang tên Nguyễn Thị Ng1; 01 (một) chiếc thẻ khách hàng sử dụng điện sinh hoạt do Công ty điện L tỉnh Lạng Sơn cấp mang tên Nguyễn Văn L; 01 (một) thẻ ATM do Ngân hàng Vietcombank cấp cho Nguyễn Thị Ng1. Sau đó, Công an xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn đã bàn giao đối tượng cùng số tang vật trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lục Ngạn để xử lý theo thẩm quyền.

Về nguồn gốc số ma túy: L khai khoảng 09 giờ ngày 08/6/2021, Nguyễn Văn L điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Taurus, Biển kiểm soát 98Y2-1852 đi từ nhà ở thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn xuống địa bàn thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, L gặp T, hai người trao đổi, thống nhất với nhau đi xuống thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn để mua ma túy để sử dụng cho bản thân. L điều khiển xe mô tô chở Tuy, khi đi đến địa phận xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn, L đưa cho T số tiền 10.000đ (mười nghìn đồng) để T vào hiệu thuốc tân dược mua xi lanh và nước cất để chuẩn bị cho việc sử dụng ma túy. T đã mua 02 chiếc xi lanh và 02 lọ nước cất mang theo. Sau đó, L và T đi xuống thị trấn C, đến khu vực đường L kéo dài, thuộc tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L để mua ma túy. Tại đây, L đưa cho T số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để góp chung mua ma túy, xong L ở ngoài chờ còn T cầm tiền đi bộ vào một ngõ nhỏ, gặp một người đàn ông không quen biết rồi đưa cho người này 100.000đ (một trăm nghìn đồng), người đó đưa lại cho T 02 (hai) gói giấy bạc bên trong chứa ma túy. Sau khi mua được số ma túy trên, T mang ra chỗ L rồi cùng nhau sử dụng hết một phần số ma túy trong một gói giấy bạc ngay tại đó. Sau khi sử dụng ma túy xong, L đi ra vị trí để xe mô tô đứng đợi, còn T dùng chiếc túi ni lon đựng xi lanh, gói chung cả 02 (hai) gói giấy bạc chứa ma túy còn lại rồi cầm ra chỗ L đứng đợi.

Đến nơi L thấy trên tay T cầm một gói ni lon, thì L hỏi “Chơi không hết à? Cẩn thận đấy khi nào tao bảo vứt thì vứt đi ngay”, T trả lời “Không sợ đâu, yên tâm đi”. Sau đó, L điều khiển xe mô tô chở T về, đến khu vực chợ thuộc xã T, huyện L, thì dừng lại. Tại đây, T đã cất giấu số ma túy còn lại vào trong chiếc giày đang đi bên chân phải của mình nhằm tránh sự phát hiện của mọi người. Khi đi đến điểm chốt phòng chống dịch Covid 19 số 04 thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện L thì T và L bị tổ công tác phát hiện, lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn ra Quyết định trưng cầu giám định đối với số tang vật đã thu giữ của T và L nghi là ma túy được niêm phong trong 01 (một) phong bì ký hiệu “QT”. Tại bản Kết luận giám định số 964 ngày 10/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Chất cục bột màu trắng đựng trong 02 (hai) gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc, được đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng (loại túi ni lon đựng xi lanh) là ma túy, có tổng khối lượng là 0,123 gam, loại Heroine”.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lục Văn T và Nguyễn Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận việc tàng trữ trái phép chất ma túy của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều xác định chiếc điện thoại bị thu giữ, các bị cáo không dùng để liên lạc cho việc thực hiện tàng trữ trái phép chất ma túy, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, các bị cáo có nguyện vọng xin lại chiếc điện thoại bị thu giữ.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ng1 trình bày: Chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 98Y2 – 1852 là do chị mua của anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1995, địa chỉ: thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, nhưng chưa chuyển sang tên chị. Bị cáo L mang đi sử dụng chị không biết, chị có nguyện vọng xin lại xe và đăng ký của chiếc xe này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã được công bố tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số 84/KSĐT ngày 01 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố bị cáo Lục Văn T và Nguyễn Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn giữ quyền công tố nhà nước tại phiên toà đã luận tội bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lục Văn T từ 15 đến 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 08/6/2021). Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 17 ; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 15 đến 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 08/6/2021). Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) phong bì thư ký hiệu “QT” đã được niêm phong, do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang hoàn lại sau giám định .

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ng1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Taurus, biển kiểm soát 98Y2-1852 ; 01 (một) đăng ký xe mô tô 98Y2-1852.

Trả lại cho bị cáo Lục Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, có số IMEI 1: 353535065907816, có số IMEI 2: 353535065907824.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, màu đen, có số IMEI 1: 352705111609069, có số IMEI 2: 352705111609077.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lục Văn T và Nguyễn Văn L.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Lục Văn T tranh luận với lời luận tội của đại diện viện kiểm sát: Nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng, xử lý vật chứng và án phí theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, T nhiên mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo T là cao, vì bị cáo tàng trữ số lượng ma túy nhỏ, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, có mẹ già yếu nên chỉ cần áp dụng mức hình phạt cho bị cáo là từ 12 đến 13 tháng tù là phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L tranh luận với lời luận tội của đại diện viện kiểm sát: Nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng, xử lý vật chứng và án phí theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, T nhiên mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo L là cao, vì bị cáo tàng trữ số lượng ma túy nhỏ, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, có mẹ đang phải chạy thận, có con nhỏ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên chỉ cần áp dụng mức hình phạt cho bị cáo là 12 tháng tù là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với người bào chữa cho bị cáo Lục Văn T và Nguyễn Văn L: Mức đề nghị hình phạt của đại diện **viện** kiểm sát tại phiên toà đã căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nên đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên thu thập: Hoạt động điều tra thu thập chứng cứ và các tài liệu của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên thu thập là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Căn cứ quy

định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang vật chứng thu hồi được, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: “Khoảng 11 giờ ngày 08/6/2021 Lục Văn T, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn L, sinh năm 1994, đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,123 gam chất ma túy loại Heroine. Khi đi đến điểm chốt phòng chống dịch Covid 19 số 04 thuộc địa phận thôn Thác Lười, xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, thì bị Tổ công tác của Công an xã Tân Sơn huyện Lục Ngạn phát hiện, lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang cùng vật chứng”.

[3] Hành vi nêu trên của Lục Văn T và Nguyễn Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, một mặt đã vi phạm chính sách độc quyền quản lý về các loại dược phẩm có tính chất gây nghiện của Nhà nước, mặt khác từ hành vi phạm tội này, đã dẫn đến làm sứt mẻ đạo đức xã hội, phẩm chất và nhân cách của con người. Từ việc tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo, không những là nguyên nhân dẫn đến biết bao hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, rơi vào hoàn cảnh cơ cực lầm than, kinh tế gia đình bị kiệt quệ, mà còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác trong đời sống, gia đình và xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có hình phạt thích đáng đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung về tội phạm.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[6] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy : Bị cáo L là người điều khiển phương tiện chở bị cáo T đi mua ma túy, là người đưa tiền cho cho bị cáo T mua xi lanh và mua ma túy; Bị cáo T là người trực tiếp mua ma túy và cất giấu ma túy, nên hai bị cáo giữ vai trò ngang nhau trong vụ án.

[7] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước. Từ hành vi phạm tội về ma túy dẫn đến các hành vi phạm tội khác gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Đối với tội phạm này ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, T nhiên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội không có tính chất vụ lợi, thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nên cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lục Văn T và Nguyễn Văn L cho rằng mức hình phạt mà đại diện **Viện** kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là cao, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thì mức đề nghị của đại diện **Viện** kiểm sát là phù hợp, cần áp dụng mức hình phạt khởi điểm đề nghị của đại diện **Viện** kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Quá trình điều tra, bị cáo T và L không biết, không xác định được đối tượng đã bán ma túy là ai, ở đâu, không tổ chức nhận dạng được. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành cho các bị cáo xác định vị trí, địa điểm mua ma túy. T nhiên không có căn cứ để xử lý đối với người đã bán ma túy cho T và L, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng: Đối với 01 (một) ví da màu đen; 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 do Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp cho Nguyễn Thị Ng1; 01 (một) thẻ khách hàng sử dụng điện sinh hoạt do Công ty điện L tỉnh Lạng Sơn cấp cho Nguyễn Văn L; 01 (một) ATM do Ngân hàng Vietcombank cấp cho Nguyễn Thị Ng1, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại những tài sản đó cho chị Nguyễn Thị Ng1 là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Taurus, biển kiểm soát 98Y2-1852 ; 01 (một) chiếc đăng ký xe mô tô 98Y2-1852 mà Nguyễn Văn L sử dụng cho việc đi mua ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lục Ngạn đã tra cứu xác định chủ sở hữu. Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông đường bộ xác định chiếc xe mô tô BKS 98Y2-1852 đứng tên chủ là Nguyễn Văn D sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Qua điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Ng1 (vợ bị cáo L) chị Ngoan mua lại của anh Nguyễn Văn B, nhưng chưa kịp sang tên, đổi chủ sở hữu. Chiếc xe không phải là vật chứng của vụ án khác, khi bị cáo L sử dụng chị Ngoan không biết, nên cần trả lại cho chị Ng1.

Đối với 01 (một) phong bì thư ký hiệu “QT” đã được niêm phong, do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang hoàn lại sau giám định là số ma túy bị cáo tàng trữ trái phép, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, số IMEI 1: 353535065907816, số IMEI 2: 353535065907824 thu giữ của bị cáo T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, màu đen, số IMEI 1: 352705111609069, số IMEI 2: 352705111609077 thu giữ của bị cáo L là tài sản cá nhân của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại cho các bị cáo.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn án phí cho các bị cáo; Các bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 ; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lục Văn T 15 (mười lăm) tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2021. Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 15 (mười lăm) tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2021. Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) phong bì thư ký hiệu “QT” đã được niêm phong, do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang hoàn lại sau giám định.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ng1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Taurus, biển kiểm soát 98Y2-1852 (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng xe); 01 (một) đăng ký xe mô tô 98Y2-1852 (đã cũ và rách mép).

Trả lại cho bị cáo Lục Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen, có số IMEI 1: 353535065907816, có số IMEI 2: 353535065907824 (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, màu đen, có số IMEI 1: 352705111609069, có số IMEI 2: 352705111609077(điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lục Văn T và Nguyễn Văn L.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Bị cáo;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Văn Thế